

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **313/2019/HNGĐ_ST**

Ngày: 22/11/2019

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Nhựt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thìn – Cán bộ hưu trí

2. Bà Trần Thị Hồng Ngọc – Cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ phường Tam Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Thành Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Thê Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường 06 – Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1654/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 340/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đào Thị T**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: 08/B1, tổ 10, KP11, P.An Bình, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: 08/B1, tổ 10, KP11, P.An Bình, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T và anh Th có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Đào Thị T trình bày:

Năm 2010 chị cùng anh Nguyễn Văn Th tự nguyện kết hôn. Ngày 02/02/2012, UBND xã Thiệu Vân, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 03, quyền số 01 - 2011 cho chị T và anh Th. Sau khi kết hôn, cả hai thường xảy ra mâu thuẫn về vấn đề tình cảm, anh Th thường hay bạo hành gia đình, xúc phạm danh dự nhân phẩm của chị. Quan điểm sống của hai bên khác nhau nên thường xuyên cãi vã, xung đột và không tôn trọng

n nhau. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh Th, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo Tr, sinh ngày 11/01/2011; cháu Nguyễn Tiến T1, sinh ngày 30/9/2012. Sau khi ly hôn chị T đề nghị Tòa án giao quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho chị và chị không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung khi ly hôn chị T xác định là hai vợ chồng tự thỏa thuận; nợ chung của vợ chồng sau khi ly hôn không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Nguyễn Bảo Tr và Nguyễn Tiến T1 vào ngày 01/10/2019: Cả hai cháu đều có nguyện vọng được chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Theo bản tự khai ngày 14/11/2019, bị đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung như chị T trình bày là đúng. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn với anh thì anh đồng ý. Anh cũng đồng ý việc cả hai con chung là cháu Nguyễn Bảo Tr, sinh ngày 11/01/2011; cháu Nguyễn Tiến T1, sinh ngày 30/9/2012 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và anh tạm thời không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung khi ly hôn anh Th xác định là hai vợ chồng tự thỏa thuận; nợ chung của vợ chồng sau khi ly hôn không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết:

- Nguyên đơn chị Đào Thị T khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th đối chiếu Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị T là nguyên đơn, anh Th là bị đơn trong vụ án.

- Anh Th có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn chị T và bị đơn anh Th có đơn xin vắng mặt; căn cứ khoản 01, Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

3. Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh Th là trên cơ sở tự nguyện và đã được UBND xã Thiệu Vân, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 03, quyển số 01 - 2012, vào ngày 02//02/2012, đối chiếu các điều 9, điều 11 và điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 được xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

- Chị T xác định vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm gì với anh Th nên đề nghị ly hôn với anh Th. Theo kết quả xác minh tại địa phương thì địa phương vợ chồng chị T anh Th có mâu thuẫn trầm trọng, có đánh nhau và lần gần nhất là vào ngày 08/10/2019. Đồng thời, anh Th cũng có ý kiến đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị T. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo Tr, sinh ngày 11/01/2011; cháu Nguyễn Tiến T1, sinh ngày 30/9/2012. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung. Yêu cầu này của chị T được anh Th đồng ý và phù hợp với nguyện vọng của hai con chung nên chấp nhận.

- Về tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn, chị T, anh Th đều xác định là vợ chồng tự thỏa thuận và về nợ chung của vợ chồng sau khi ly hôn là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về án phí: Chị Đào Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 68, khoản 4 Điều 147; 227, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 09, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000.

Áp dụng các điều 51, 56, 71, 81, 82, 83, khoản 01 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đào Thị T đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Th về việc tranh chấp ly hôn.

Tuyên xử:

Chị Đào Thị T, sinh năm 1983 ly hôn với anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1983.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Bảo Tr, sinh ngày 11/01/2011; cháu Nguyễn Tiến T1, sinh ngày 30/9/2012 cho chị Đào Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn Th tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Th được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Chị Đào Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0008239 ngày 31/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Chị T đã nộp đủ án phí theo quy định.

Chị T và anh Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Trương Thị Thìn – Trần Thị Hồng Ngọc

Đỗ Minh Nhựt

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tp. Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp. Biên Hòa;
- UBND xã Thiệu Văn;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Minh Nhựt